

Bản án số: 60/2022/HS-ST  
Ngày: 21-12-2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Ngọc Thành

*Thẩm phán:* Bà Huỳnh Thị Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Võ Văn Thới

Bà Nguyễn Thị Bạch Huệ

Ông Dương Văn Thông

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Hồng Nhật Châu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:**  
Ông Lê Văn Sáu – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 21 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2022/TLST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2022/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo:

**Võ Minh Ph**, sinh năm 1989 tại tỉnh Long An; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Tiến S, sinh năm 1961 và bà Huỳnh Thị G, sinh năm 1962; Có 01 người chị sinh năm 1982; Có vợ tên Phạm Thy Nh, sinh năm 1988 (đã ly hôn), chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18 tháng 12 năm 2020 đến nay, có mặt.

**- Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Lưu Văn B, Luật sư Văn phòng luật sư M, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Long An. (có mặt)

**- Bị hại:**

1. Nguyễn Thị H (đã chết);

**- Người đại diện hợp pháp của bà H:**

1.1. Võ Tấn T3, sinh năm 1977;

1.2. Võ Thị Huệ L1, sinh năm 1978;

1.3. Võ Thị Huệ C1, sinh năm 1981;

1.4. Võ Anh T4, sinh năm 1983;

1.5. Võ Văn T, sinh năm 1957;

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà T3, L1, C1, T4:* Ông Võ Văn T, sinh năm 1957; Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An. (có mặt)

2. Võ Văn X, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An. (có mặt)

3. Đỗ Văn Th (Ch), sinh năm 1966; Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An. (có mặt)

4. Đỗ Minh H1, sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An. (có mặt)

5. Bạch Hồng H2, sinh năm 1960; Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

6. Bà Lâm Thị H3, sinh năm 1957; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An. (có mặt)

7. Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1960; Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An. (có mặt)

8. Bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1952; Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An. (có mặt)

9. Bà Lê Thị L, sinh năm 1958; Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Văn Phòng Công chứng T; Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Trần Văn C - Trưởng Văn phòng. (vắng mặt)

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn P; Địa chỉ: Số 30 đường N, khu phố 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đặng Châu Minh T1, sinh năm 1988 - Giám đốc. (vắng mặt)

3. Trần Hữu H4, sinh năm 1968; Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

4. Châu Văn Đ2, sinh năm 1971; Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

5. Huỳnh Thanh Ph1, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Minh Ph, sinh năm 1989, cư trú: Khu phố H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An, là nhân viên soạn thảo của Văn phòng Công chứng T tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

Trong thời gian làm việc, để có tiền chi xài cho cá nhân, Ph tự giới thiệu có nhận hồ sơ dịch vụ xin tách thửa và chuyển mục đích sử dụng đất, từ đất lúa sang đất thổ cư trên địa bàn huyện C, tỉnh Long An nên nhiều người dân tin tưởng giao giấy tờ và đưa tiền cho Ph làm. Khi nhận hồ sơ Ph lấy trước 50% số tiền dịch vụ, số tiền còn lại trả đủ cho Ph khi ra Văn phòng Công chứng lập hồ sơ.

Sau khi nhận hồ sơ, Ph thuê Công ty Trách nhiệm hữu hạn P, địa chỉ: số 30 đường N, khu phố 4, thị trấn C tiến hành đo đạc, ra bản vẽ nháp (chưa thẩm định, phê duyệt của Văn phòng đăng ký đất đai huyện C). Sau khi có bản vẽ nháp, Ph hẹn người dân đến Văn phòng Công chứng để ký hợp đồng công chứng (các hợp đồng do Ph tự soạn thảo, không có chứng thực của Công chứng viên) để người dân trả đủ 50% số tiền còn lại. Một số trường hợp Ph không tiến hành thuê đo đạc, vẽ bản nháp. Sau khi nhận đủ tiền dịch vụ, Ph lấy tất cả hồ sơ đem đi cất, không thực hiện. Với thủ đoạn trên, Ph đã chiếm đoạt của các cá nhân, cụ thể như sau:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959, hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Khoảng tháng 07/2018, bà H đến Văn phòng Công chứng, chứng nhận hồ sơ và quen biết Ph, Ph giới thiệu làm được hồ sơ dịch vụ chuyển mục đích sử dụng đất, từ đất lúa sang đất thổ cư trên địa bàn huyện C. Tin lời Ph, bà H giao hồ sơ của gia đình bà và những người quen đưa cho Ph làm. Từ tháng 01/2019 đến tháng 09/2019, bà H đưa cho Ph 67 hồ sơ với tổng số tiền là 4.860.000.000 đồng. Ngoài ra, Ph còn mượn nợ bà H số tiền 140.000.000 đồng.

2. Ông Võ Văn X, sinh năm 1969, hộ khẩu thường trú: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Khoảng tháng 08/2019, ông X nhờ Ph làm hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất và tách sổ thành 07 sổ cho ông T2, ở Ngã 3, T, ông X đưa cho Ph 100.000.000 đồng.

3. Ông Đỗ Văn Th (Ch), sinh năm 1966, hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Ông Th là người quen biết với cha của Ph, biết Ph đang làm ở Văn phòng Công chứng có khả năng làm được hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất từ đất

lúa sang đất thổ cư, ông Th nhờ Ph làm 03 hồ sơ cho ông Th và đưa Ph số tiền 64.000.000 đồng. Ông còn nhận của người quen 25 hồ sơ và số tiền 981.600.000 đồng giao cho Ph thực hiện.

Ngoài ra ông Th còn nhận hồ sơ và tiền từ những người khác giới thiệu để giao cho Ph gồm:

- Ông Trần Hữu H4, sinh năm 1968, hộ khẩu thường trú: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An 03 hồ sơ và số tiền 105.000.000 đồng.

- Ông Châu Văn Đ2, sinh năm 1971, hộ khẩu thường trú: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An 25 hồ sơ và số tiền 340.000.000 đồng.

- Ông Huỳnh Thanh Ph1, hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An 19 hồ sơ và số tiền 590.000.000 đồng.

Như vậy Võ Minh Ph đã nhận hồ sơ và tiền ông Th tổng số tiền là 2.0806.00.000 đồng.

Võ Minh Ph còn nhận hồ sơ và tiền trực tiếp từ một số người dân gồm:

1. Ông Đỗ Minh H1, sinh năm 1978, nơi cư trú: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An 01 hồ sơ và số tiền 20.000.000 đồng.

2. Ông Bạch Hồng H2, sinh năm 1960, hộ khẩu thường trú: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An, Ông H2 nhờ Ph làm hồ sơ cho anh Cao Minh H5 cư trú huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, ông H2 đưa cho Ph số tiền 90.000.000 đồng.

3. Bà Lâm Thị H3, sinh năm 1857, hộ khẩu thường trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An 01 hồ sơ và số tiền 84.000.000 đồng.

4. Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1960, hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An 01 hồ sơ và số tiền 500.000.000 đồng.

5. Bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1952, hộ khẩu thường trú: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An 01 hồ sơ và số tiền 180.000.000 đồng.

6. Bà Lê Thị L, sinh năm 1958, hộ khẩu thường trú: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An, 01 hồ sơ và số tiền 225.000.000 đồng.

Như vậy: Võ Minh Ph đã nhận hồ sơ và số tiền của 09 bị hại tổng cộng là: 8.139.600.000 đồng. Nhưng Ph không thực hiện được hồ sơ nào mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên. Số tiền chiếm đoạt bị cáo khai nhận tiêu xài cá nhân và cá cược qua mạng.

Tại bản cáo trạng số 47/CT-VKSLA-P2 ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đã truy tố bị cáo Võ Minh Ph về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Võ Minh Ph thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng truy tố và xác định bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An truy tố về tội

“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng không oan. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ông Võ Văn T đại diện hợp pháp của bà H yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 4.860.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng mà bà H đã vay để trả nợ cho những người khác và tiền mượn nợ là 140.000.000 đồng. Về trách nhiệm hình sự, ông T đề nghị xử lý bị cáo theo quy định pháp luật.

Ông Võ Văn X yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 100.000.000 đồng và xử lý bị cáo theo quy định pháp luật.

Ông Đỗ Văn Th yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 2.080.600.000 đồng và xử lý bị cáo theo quy định pháp luật.

Bà Lâm Thị H3 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 84.000.000 đồng và xử lý bị cáo theo quy định pháp luật.

Bà Huỳnh Thị Đ yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 500.000.000 đồng và xử lý bị cáo theo quy định pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Đ1 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 180.000.000 đồng và xử lý bị cáo theo quy định pháp luật.

Bà Lê Thị L yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 225.000.000 đồng và xử lý bị cáo theo quy định pháp luật.

Ông Đỗ Minh H1 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 20.000.000 đồng và xử lý bị cáo theo quy định pháp luật.

Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm luận tội:

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra thể hiện trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

Khi quyết định hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Gia đình có công với Cách mạng theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Võ Minh Ph phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Võ Minh Ph từ 18 năm đến 20 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo trả lại tiền cho các bị hại theo quy định pháp luật, cụ thể: trả lại cho người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị H số tiền 4.860.000.000 đồng và tiền lãi và tiền mượn nợ là 140.000.000 đồng; trả lại cho ông Võ Văn X số tiền 100.000.000 đồng; trả lại cho ông Đỗ Văn Th số tiền 2.080.600.000 đồng; trả lại cho ông Bạch Hồng H2 số tiền 90.000.000 đồng; trả lại cho bà Lâm Thị H3 số tiền 84.000.000 đồng; trả lại cho bà Huỳnh Thị Đ số tiền 500.000.000 đồng; trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ1 số tiền 180.000.000 đồng; trả lại cho bà Lê Thị L số tiền 225.000.000 đồng; trả lại cho ông Đỗ Minh H1 số tiền 20.000.000 đồng.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng, không oan. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo nhất thời phạm tội do chơi game tài chính bị thua và tiêu xài cá nhân nên chưa có tiền trả cho bị hại, về nhân thân bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình có công với cách mạng là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án thấp để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời và khắc phục hậu quả.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Long An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận của bị cáo Võ Minh Ph tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định:

Võ Minh Ph là nhân viên soạn thảo của Văn phòng Công chứng T có trụ sở tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An. Trong quá trình làm việc, do không có tiền tiêu xài và thua tiền chơi cá cược tài chính trên mạng, Võ Minh Ph mặc dù

biết tại địa phương không có chủ trương cho tách thửa hoặc chuyển mục đích sử dụng đất nhưng Ph tự giới thiệu có nhận hồ sơ dịch vụ xin tách thửa và chuyển mục đích sử dụng đất từ đất lúa sang đất thổ cư trên địa bàn huyện C, tỉnh Long An, làm cho người dân tin tưởng là thật nên đã đưa hồ sơ và tiền dịch vụ cho Ph để tách hoặc chuyển mục đích quyền sử dụng đất. Từ tháng 08/2018 đến tháng 09/2019, Võ Minh Ph nhận hồ sơ và tiền nhưng không thực hiện hồ sơ nào mà chiếm đoạt của các bị hại gồm bà Nguyễn Thị H, ông Võ Văn X, ông Đỗ Văn Th (Ch), ông Bạch Hồng H2, bà Lâm Thị H3, bà Huỳnh Thị Đ, bà Nguyễn Thị Đ1, bà Lê Thị L và ông Đỗ Minh H1 với tổng số tiền là 8.139.600.000 đồng (Tám tỷ một trăm ba mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng). Số tiền trên bị cáo sử dụng vào mục đích tiêu xài cho các nhân và cá cược qua mạng.

Hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Do bị cáo chiếm đoạt tổng số tiền 8.139.600.000 đồng (Tám tỷ một trăm ba mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng) của các bị hại nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An truy tố bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, bị cáo lợi dụng sự tin tưởng của người khác để chiếm đoạt tài sản sử dụng cho mục đích cá nhân gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân tại địa phương. Với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo thực hiện và hậu quả của hành vi mà bị cáo gây ra nên cần áp dụng hình phạt thỏa đáng, buộc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình có công với cách mạng là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên xem xét giảm nhẹ một phần về hình phạt cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, các bị hại ông Võ Văn X yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 100.000.000 đồng; ông Đỗ Văn Th yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 2.080.600.000 đồng; bà Lâm Thị H3 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 84.000.000 đồng; bà Huỳnh Thị Đ yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 500.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Đ1 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 180.000.000 đồng; bà Lê Thị L yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 225.000.000 đồng; ông Đỗ Minh H1 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 20.000.000 đồng. Ông Bạch Hồng H2 vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng trong quá trình điều tra ông H2 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 90.000.000 đồng.

Ông Võ Văn T là người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 4.860.000.000 đồng và tiền lãi 11,5%/năm (theo mức

lãi suất của hợp đồng tín dụng số 6604-LAV-202100976 mà bà H đã ký để trả nợ cho những người khác), thời điểm tính lãi kể từ ngày 20/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm và số tiền mà bị cáo đã mượn của bà H là 140.000.000 đồng. Xét thấy, bà Nguyễn Thị H trực tiếp nhận 67 hồ sơ và tiền của người dân đưa cho bị cáo, sau khi phát hiện hành vi của bị cáo bà H đã vay tiền ngân hàng để trả lại cho những người đã giao tiền cho bà H, do đó ông T yêu cầu bị cáo trả lại tiền gốc và tiền lãi là có căn cứ chấp nhận. Nhận thấy, Hợp đồng tín dụng số 6604-LAV-202100976 giữa Ngân hàng N – Chi nhánh huyện C và bà Nguyễn Thị H được ký ngày 20/4/2021, lãi suất là 11,5%/năm, ông T chỉ yêu cầu tính lãi với lãi suất là 11,5%/năm kể từ ngày 20/4/2021 đến ngày 21/12/2022 là 01 năm 08 tháng 01 ngày, như vậy tiền lãi mà bị cáo có nghĩa vụ phải trả là:  $4.860.000.000 \text{ đồng} \times 11,5\%/\text{năm} \times 01 \text{ năm } 08 \text{ tháng } 01 \text{ ngày} = 933.052.500 \text{ đồng}$ .

Tại phiên tòa, bị cáo Võ Minh Ph đồng ý trả lại số tiền mượn, tiền đã chiếm đoạt và tiền lãi theo yêu cầu của các bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên và việc thỏa thuận này không vi phạm pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Xét thấy, bị cáo hiện không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Đối với Đặng Châu Minh T1, Giám đốc Công ty TNHH P được Võ Minh Ph thuê đo đạc, ra bản vẽ nháp (không có ký tên, đóng dấu). Đặng Châu Minh T1 không biết bị cáo Ph sử dụng bản vẽ để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên không đồng phạm với hành vi của Võ Minh Ph.

Đối với ông Trần Văn C, Trưởng văn phòng Công chứng T, trong thời gian làm việc tại văn phòng công chứng Võ Minh Ph đã tự ý nhận hồ sơ dịch vụ và lập hồ sơ giả công chứng với người dân, ông C không biết nên không đồng phạm với hành vi của bị cáo Ph.

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố: Bị cáo **Võ Minh Ph** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Võ Minh Ph 18 (mười tám) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18 tháng 12 năm 2020.

Căn cứ Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Võ Minh Ph 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để bảo đảm cho việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.



2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Võ Minh Ph có nghĩa vụ trả lại cho người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị H số tiền 4.860.000.000 đồng, tiền lãi 933.052.500 đồng và tiền nợ 140.000.000 đồng, tổng cộng 5.933.052.500 đồng; trả lại cho ông Võ Văn X số tiền 100.000.000 đồng; trả lại cho ông Đỗ Văn Th số tiền 2.080.600.000 đồng; trả lại cho ông Bạch Hồng H2 số tiền 90.000.000 đồng; trả lại cho bà Lâm Thị H3 số tiền 84.000.000 đồng; trả lại cho bà Huỳnh Thị Đ số tiền 500.000.000 đồng; trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ1 số tiền 180.000.000 đồng; trả lại cho bà Lê Thị L số tiền 225.000.000 đồng; trả lại cho ông Đỗ Minh H1 số tiền 20.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Võ Minh Ph phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 117.212.653 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Án xử sơ thẩm công khai. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- CQĐT Công an tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Ngọc Thành**